

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả kỳ tuyển dụng công chức
tỉnh Quảng Nam năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định về quản lý cán bộ, công chức và người quản lý doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam;

Thực hiện Kế hoạch số 7391/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2022; Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2022;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Quảng Nam năm 2022 tại Tờ trình số 393/TTr-HĐT ngày 01/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Quảng Nam năm 2022 đối với 324 thí sinh, trong đó có: 63 thí sinh trúng tuyển và 261 thí sinh không trúng tuyển.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Quảng Nam năm 2022 thông báo công khai Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng trên trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ (*cơ quan thường trực của Hội đồng*) và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản đến người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ căn cứ kết quả trúng tuyển được phê duyệt: tiếp nhận, kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng của người trúng tuyển; ban hành Quyết định tuyển dụng công chức đối với người trúng tuyển theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Quảng Nam năm 2022; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, NCKS (A).

CHỦ TỊCH

Lê Trí Thanh

DANH SÁCH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số: #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	CC002	Hà Thị Thu	Diễm	Nữ	02/01/1987	Văn thư, lưu trữ	Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Đức	44,0		Không trúng tuyển
2	CC003	Thái Thị Huỳnh	Dương	Nữ	01/01/1987	Văn thư	Sở Tài chính	55,5		Không trúng tuyển
3	CC005	Huỳnh Thị	Hậu	Nữ	02/7/1981	Văn thư - lưu trữ	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	61,0		Trúng tuyển
4	CC012	Huỳnh Nguyễn Việt	Phương	Nam	01/02/1988	Văn thư - lưu trữ	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	51,0		Trúng tuyển
5	CC018	Hồ Như	Thúy	Nữ	01/11/1992	Văn thư - lưu trữ	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1,0		Không trúng tuyển
6	CC025	Phạm Lê Thanh	Châu	Nữ	11/01/1991	Kế toán	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	13,0		Không trúng tuyển
7	CC026	Nguyễn Thị Bích	Diễm	Nữ	20/10/1994	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16,0		Không trúng tuyển
8	CC027	Hồ Thị Ánh	Dung	Nữ	16/8/1984	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1,0	5,0	Không trúng tuyển
9	CC029	Trần Thị	Hà	Nữ	05/01/1990	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19,0		Không trúng tuyển
10	CC030	Phan Thị Vĩnh	Hằng	Nữ	13/01/1984	Kế toán	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	50,0		Trúng tuyển
11	CC034	Lê Thị Thanh	Long	Nữ	10/01/1989	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16,0		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	CC035	Phan Thị	Mãi	Nữ	25/12/1988	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25,0		Không trúng tuyển
13	CC037	Lê Thị Thùy	Năm	Nữ	04/02/1983	Kế Toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	13,0		Không trúng tuyển
14	CC039	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	01/02/1991	Kế toán	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	3,8		Không trúng tuyển
15	CC040	Hứa Thị Bích	Ngọc	Nữ	08/12/1983	Kế toán	Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang	3,0	5,0	Không trúng tuyển
16	CC041	Hà Thị Minh	Nhật	Nữ	04/11/1994	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	38,5		Không trúng tuyển
17	CC042	Trần Thị	Nhi	Nữ	03/3/1993	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10,0		Không trúng tuyển
18	CC043	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	04/5/1988	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10,0		Không trúng tuyển
19	CC046	Phạm Thị Hồng	Sương	Nữ	13/6/1993	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10,0		Không trúng tuyển
20	CC049	Bùi Thị Thanh	Thảo	Nữ	22/4/1990	Kế toán	Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang	25,5		Không trúng tuyển
21	CC051	Mai Thị Ngọc	Thảo	Nữ	26/12/1986	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	27,0		Không trúng tuyển
22	CC053	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	10/4/1990	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6,0		Không trúng tuyển
23	CC058	Lê Thị Bích	Vui	Nữ	09/7/1994	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30,0		Không trúng tuyển
24	CC059	Phan Thy Việt	Vy	Nữ	03/5/1991	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6,0		Không trúng tuyển
25	CC061	Nguyễn Thị	Xinh	Nữ	19/01/1991	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	26,5		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26	CC063	Nguyễn Kim	Bách	Nam	05/6/1989	Quản lý kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	27,5		Không trúng tuyển
27	CC064	Đoàn Công	Cường	Nam	24/8/1984	Quản lý kế hoạch đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	52,0		Không trúng tuyển
28	CC065	Trịnh Thị My	Diễm	Nữ	05/11/1995	Theo dõi, quản lý, xúc tiến đầu tư, đối ngoại	Ban Quản lý các Khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh	21,0		Không trúng tuyển
29	CC068	Lê Minh	Đan	Nữ	28/4/1996	Quản lý kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	13,0		Không trúng tuyển
30	CC070	Phan Phước	Hiếu	Nam	12/9/1980	Quản lý kế hoạch đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	8,0		Không trúng tuyển
31	CC071	Nguyễn Ngọc	Hòa	Nam	27/10/1995	Quản lý kế hoạch đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	5,0		Không trúng tuyển
32	CC072	Huỳnh Đức	Hoàng	Nam	05/02/1993	Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang	59,5		Trúng tuyển
33	CC074	Lê Duy	Khánh	Nam	21/6/1993	Quản lý kế hoạch đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	83,0	5,0	Trúng tuyển
34	CC075	Đặng Nguyên	Khôi	Nam	15/8/1989	Quản lý kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	5,5		Không trúng tuyển
35	CC076	Huỳnh Thị	Kiều	Nữ	29/4/1993	Quản lý kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và giá công sản	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước	80,0		Trúng tuyển
36	CC078	Đỗ Văn	Lộc	Nam	28/7/1997	Theo dõi, quản lý xúc tiến đầu tư, đối ngoại	Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp	61,0	5,0	Trúng tuyển
37	CC079	Phạm Văn	Lộc	Nam	19/9/1990	Quản lý kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	16,5		Không trúng tuyển
38	CC080	Nguyễn Trần Khánh	Mỹ	Nữ	17/12/1996	Quản lý kế hoạch đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	5,0		Không trúng tuyển
39	CC081	Phạm Thị	Nga	Nữ	12/02/1986	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	69,5	5,0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
40	CC082	Trần Duy	Nghĩa	Nam	13/02/1988	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	19,0		Không trúng tuyển
41	CC083	Võ Trần Chí	Nguyên	Nam	17/12/1996	Quản lý kế hoạch đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	40,5		Không trúng tuyển
42	CC084	Võ Đặng Hà	Nhi	Nữ	08/9/1994	Theo dõi, quản lý Xúc tiến đầu tư, đối ngoại	BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp	32,5		Không trúng tuyển
43	CC085	Tơ Ngồ	Nhuồng	Nam	25/01/1984	Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang	42,5	5,0	Không trúng tuyển
44	CC086	Hồ Hoài	Phong	Nam	15/12/1986	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	51,0		Không trúng tuyển
45	CC089	Tơ Ngồ	Sáu	Nam	24/4/1994	Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang	5,0	5,0	Không trúng tuyển
46	CC090	Lê Thái	Sơn	Nam	12/10/1990	Quản lý kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và giá công sản	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước	50,3		Không trúng tuyển
47	CC091	Nguyễn	Thảo	Nam	01/01/1993	Quản lý kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	24,5		Không trúng tuyển
48	CC093	Nguyễn Đức	Thiện	Nam	20/02/1994	Theo dõi, quản lý xúc tiến đầu tư, đối ngoại	Ban Quản lý các Khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh	41,0		Không trúng tuyển
49	CC095	Trần Thị Anh	Thoa	Nữ	17/11/1997	Theo dõi, quản lý Xúc tiến đầu tư, đối ngoại	BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp	5,0		Không trúng tuyển
50	CC098	Võ Quang	Trọng	Nam	20/01/1988	Quản lý kế hoạch đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	13,0		Không trúng tuyển
51	CC103	Đoàn Ngọc Việt	Vương	Nam	12/10/1990	Quản lý kế hoạch đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	19,5		Không trúng tuyển
52	CC105	Lê Thị Ngọc	Yến	Nữ	01/6/1988	Theo dõi, quản lý Xúc tiến đầu tư, đối ngoại	BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp	31,5		Không trúng tuyển
53	CC107	Đặng Xuân	Bình	Nam	12/12/1993	Quản lý đầu tư xây dựng	Sở Giao thông vận tải	12,0		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
54	CC117	Trần Thành	Không	Nam	26/4/1991	Quản lý đầu tư xây dựng	Sở Giao thông vận tải	24,0		Không trúng tuyển
55	CC118	Ngô Thị	Liên	Nữ	01/6/1988	Quản lý Kiến trúc-Quy hoạch;	Sở Xây dựng	53,5		Không trúng tuyển
56	CC121	Nguyễn Tấn	Sự	Nam	01/3/1993	Quản lý Kiến trúc-Quy hoạch;	Sở Xây dựng	14,5		Không trúng tuyển
57	CC122	Hồ Văn	Thành	Nam	15/4/1992	Quản lý Kiến trúc-Quy hoạch;	Sở Xây dựng	22,5		Không trúng tuyển
58	CC123	Trần Phương	Thảo	Nữ	26/6/1994	Theo dõi, quản lý Quy hoạch	BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp	9,0		Không trúng tuyển
59	CC124	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	09/12/1991	Quản lý Kiến trúc-Quy hoạch;	Sở Xây dựng	60,0		Trúng tuyển
60	CC127	Bùi Hải	Vân	Nam	01/7/1989	Quản lý Kiến trúc-Quy hoạch;	Sở Xây dựng	58,0		Không trúng tuyển
61	CC129	Nguyễn Như	Ý	Nam	20/9/1998	Quản lý đầu tư xây dựng	Sở Giao thông vận tải	33,5		Không trúng tuyển
62	CC130	Đặng Phước	Bình	Nam	25/01/1985	Quản lý về giao thông vận tải	Ủy ban nhân dân huyện Đông Giang	15,5		Không trúng tuyển
63	CC134	Huỳnh Khắc	Huy	Nam	22/4/1989	Quản lý giao thông vận tải - hạ tầng kỹ thuật	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	26,5		Không trúng tuyển
64	CC135	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	01/6/1986	Quản lý giao thông vận tải - Hạ tầng kỹ thuật	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	26,5		Không trúng tuyển
65	CC138	Huỳnh Kim	Phúc	Nam	15/11/1995	Quản lý giao thông vận tải - hạ tầng kỹ thuật	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	30,5		Không trúng tuyển
66	CC140	Đinh Nhật	Rin	Nam	29/5/1994	Quản lý giao thông vận tải - hạ tầng kỹ thuật	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	35,0	2,5	Không trúng tuyển
67	CC144	Lý	Thiện	Nam	07/8/1995	Quản lý giao thông vận tải	Ủy ban nhân dân huyện Phú Ninh	14,0		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
68	CC146	Trần Minh	Tuấn	Nam	20/3/1985	Quản lý giao thông vận tải - Hạ tầng kỹ thuật	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	52,5	5,0	Trúng tuyển
69	CC150	Đinh Thanh	Bình	Nam	19/3/1995	Quản lý đất đai	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	11,5		Không trúng tuyển
70	CC154	Đoàn Long	Đạt	Nam	01/01/1994	Quản lý đo đạc và bản đồ (viễn thám)	Sở Tài nguyên và Môi trường	26,0		Không trúng tuyển
71	CC157	Nguyễn Việt	Hà	Nam	01/01/1988	Quản lý đất đai, đo đạc bản đồ	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	54,0		Trúng tuyển
72	CC162	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	27/01/2000	Quản lý đất đai	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	11,0		Không trúng tuyển
73	CC163	Nguyễn Đồng Đăng	Khoa	Nam	18/10/1987	Quản lý đo đạc và bản đồ (viễn thám)	Sở Tài nguyên và Môi trường	26,0		Không trúng tuyển
74	CC166	Lê Thị Tô	Linh	Nữ	25/11/1988	Quản lý đất đai	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	13,0	5,0	Không trúng tuyển
75	CC167	Lê Hùng	Lĩnh	Nam	27/5/1995	Quản lý đất đai, đo đạc bản đồ	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	29,0		Không trúng tuyển
76	CC171	Phạm Viết	Nam	Nam	20/4/1998	Quản lý đất đai	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	17,5		Không trúng tuyển
77	CC173	Huỳnh Thị Thảo	Nguyên	Nữ	16/3/2000	Quản lý đất đai	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	11,5		Không trúng tuyển
78	CC174	Trần Thị	Pôn	Nữ	14/8/1990	Quản lý đo đạc và bản đồ (viễn thám)	Sở Tài nguyên và Môi trường	11,0		Không trúng tuyển
79	CC175	Phạm Thái	Quyền	Nam	18/9/1995	Quản lý đo đạc và bản đồ (viễn thám)	Sở Tài nguyên và Môi trường	16,0		Không trúng tuyển
80	CC178	Đỗ Thị	Tâm	Nữ	28/5/1996	Quản lý đất đai	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	18,0		Không trúng tuyển
81	CC179	Ngô Thị Thanh	Thảo	Nữ	05/6/1999	Quản lý đất đai	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	16,0		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
82	CC181	Nguyễn Thành	Trung	Nam	08/8/1995	Quản lý đất đai, đo đạc bản đồ	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	28,0		Không trúng tuyển
83	CC187	Phan Minh	Châu	Nam	11/5/1991	Quản lý đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30,0		Không trúng tuyển
84	CC188	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	01/01/1989	Quản lý đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	24,0		Không trúng tuyển
85	CC189	Huỳnh Văn	Duy	Nam	05/4/1997	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	1,0		Không trúng tuyển
86	CC190	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	10/12/1983	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	50,0		Trúng tuyển
87	CC193	Trần Thị Mỹ	Hương	Nữ	22/3/1987	Quản lý trồng trọt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	29,0		Không trúng tuyển
88	CC194	Trần Thị Hồng	Liên	Nữ	04/4/1997	Quản lý trồng trọt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51,0		Không trúng tuyển
89	CC195	Trần Thị Tuyết	Ngân	Nữ	01/11/1995	Quản lý trồng trọt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16,0		Không trúng tuyển
90	CC196	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	15/9/1998	Phát triển kinh tế nông nghiệp	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	50,0		Trúng tuyển
91	CC197	ZoRâm	Nhiều	Nam	08/5/1995	Quản lý đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16,0	5,0	Không trúng tuyển
92	CC199	Hôihi	Phiếu	Nữ	30/10/1999	Quản lý đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8,5	5,0	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
93	CC200	Lê Thị Hồng	Phúc	Nữ	05/11/1999	Quản lý trồng trọt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	31,5		Không trúng tuyển
94	CC202	Phan Thị	Phượng	Nữ	11/5/1998	Quản lý trồng trọt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17,5		Không trúng tuyển
95	CC203	Đình Văn	Quý	Nam	15/01/1989	Quản lý trồng trọt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	42,0		Không trúng tuyển
96	CC204	Nguyễn Thị Mỹ	Quyền	Nữ	25/01/1996	Quản lý trồng trọt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11,0		Không trúng tuyển
97	CC206	Zơ Râm Thị	Trao	Nữ	18/8/1997	Quản lý đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30,5	5,0	Không trúng tuyển
98	CC207	Văn Thị Phương	Trinh	Nữ	12/4/1995	Quản lý trồng trọt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	21,5		Không trúng tuyển
99	CC208	Nguyễn Thị	Trường	Nữ	08/8/1990	Quản lý trồng trọt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51,0		Trúng tuyển
100	CC210	Võ Ngọc	Ân	Nam	19/8/1989	Quản lý công trình thủy và nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,0	5,0	Không trúng tuyển
101	CC211	Huỳnh Vũ Minh	Nhật	Nam	17/7/1996	Quản lý Công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	18,5		Không trúng tuyển
102	CC220	Trịnh Thế	Anh	Nam	13/02/1995	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30,0		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
103	CC222	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	22/10/1985	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25,0	5,0	Không trúng tuyển
104	CC224	Nguyễn Thị Kim	Ánh	Nữ	14/11/1997	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	32,0		Không trúng tuyển
105	CC227	Trương Thanh	Bình	Nam	25/8/1998	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	56,0		Trúng tuyển
106	CC231	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	Nữ	01/7/1997	Theo dõi sử dụng và Phát triển rừng	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	20,0		Không trúng tuyển
107	CC232	Hồ Thị Thanh	Chi	Nữ	08/8/1998	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40,0	5,0	Không trúng tuyển
108	CC233	Nguyễn Đình	Chiến	Nam	22/12/1991	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50,0		Trúng tuyển
109	CC234	Nguyễn Văn Chín	Chín	Nam	25/6/1999	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	53,0	5,0	Trúng tuyển
110	CC239	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	18/01/1987	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	55,5		Trúng tuyển
111	CC242	Coor	Dúc	Nam	27/9/1993	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	35,0	5,0	Không trúng tuyển
112	CC245	Trương Triều	Đào	Nam	01/5/2000	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	35,0		Không trúng tuyển
113	CC246	Đinh Văn	Đào	Nam	05/7/1994	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	63,0	5,0	Trúng tuyển
114	CC250	Trần Văn	Hải	Nam	16/7/1997	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	29,5		Không trúng tuyển
115	CC255	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	Nữ	05/01/1986	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	43,0		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
116	CC257	Nguyễn Công	Hoàng	Nam	01/02/1990	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	71,0	2,5	Trúng tuyển
117	CC261	Phạm Xuân	Hương	Nữ	08/4/1989	Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	54,0		Trúng tuyển
118	CC262	Phan Thị Minh	Huyền	Nữ	10/12/1993	Kiểm Lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	75,5		Trúng tuyển
119	CC264	Nguyễn Bá	Khoa	Nam	28/01/1991	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	82,5	2,5	Trúng tuyển
120	CC268	Trần Hồng	Lê	Nữ	01/6/1998	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	55,5		Trúng tuyển
121	CC276	Mai Thị	Mến	Nữ	08/8/1996	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	36,5		Không trúng tuyển
122	CC279	Trần Xuân	Ngọc	Nam	09/5/1997	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	20,5		Không trúng tuyển
123	CC288	Ngô Đình	Phú	Nam	10/12/1995	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	68,5		Trúng tuyển
124	CC294	Nguyễn Đăng	Quỳnh	Nam	25/12/1991	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50,0	5,0	Trúng tuyển
125	CC295	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	Nữ	14/7/2022	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	61,0		Trúng tuyển
126	CC303	Thái Thị Thanh	Tâm	Nữ	21/10/1998	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	84,0		Trúng tuyển
127	CC304	Phạm Thị Minh	Tâm	Nữ	15/10/1996	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28,0		Không trúng tuyển
128	CC306	Cơ Lâu	Thắng	Nam	20/9/1994	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	62,5	5,0	Trúng tuyển
129	CC307	Đồng Văn	Thành	Nam	22/02/1993	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	18,5		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
130	CC313	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	26/3/1996	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	52,0		Trúng tuyển
131	CC318	Huỳnh Nguyễn Thảo	Trang	Nữ	25/8/1997	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28,0		Không trúng tuyển
132	CC322	Nguyễn Đình	Trường	Nam	10/10/1989	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	74,5		Trúng tuyển
133	CC324	Huỳnh Thị Mỹ	Tuyên	Nữ	19/7/1987	Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	52,0		Trúng tuyển
134	CC329	Lương Khánh	Vy	Nữ	17/02/1999	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	18,5		Không trúng tuyển
135	CC330	Trần Thị	Ý	Nữ	01/01/1997	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	69,5		Trúng tuyển
136	CC334	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	Nữ	04/4/1991	Quản lý công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	40,0	5,0	Không trúng tuyển
137	CC335	Trần Thị	Kiều	Nữ	20/11/1999	Quản lý Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	4,0		Không trúng tuyển
138	CC336	Võ Văn	Phúc	Nam	6/3/1985	Quản lý Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	6,4		Không trúng tuyển
139	CC338	Bùi Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	21/5/1991	Theo dõi quản lý công nghiệp	Ban Quản lý các Khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh	25,0		Không trúng tuyển
140	CC341	Võ Thị Hồng	Vỹ	Nữ	08/3/1991	Quản lý Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	10,0		Không trúng tuyển
141	CC343	Cao Đoàn Ngọc	Ánh	Nữ	18/8/2000	Quản lý đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	18,5		Không trúng tuyển
142	CC345	Nguyễn Hoàng An	Bảo	Nam	09/10/1998	Quản lý đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	39,0		Không trúng tuyển
143	CC346	Alăng Thị	Bích	Nữ	04/5/1998	Thực hiện chính sách Bảo trợ xã hội	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	32,5	5,0	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
144	CC347	Huỳnh Thị	Bích	Nữ	03/03/1988	Thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	77,5		Không trúng tuyển
145	CC352	Phạm Đình	Dương	Nam	22/10/1999	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	55,0	5,0	Không trúng tuyển
146	CC354	Bnướcch	Hà	Nam	16/03/1991	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	53,5	5,0	Không trúng tuyển
147	CC355	Đỗ Thị Thu	Hằng	Nữ	04/3/1992	Theo dõi công tác giảm nghèo bền vững	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	44,0		Không trúng tuyển
148	CC357	Lê Nguyễn Công	Hậu	Nam	08/02/1999	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	69,0		Không trúng tuyển
149	CC359	Trần Đình	Hiệp	Nam	10/7/1994	Quản lý đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	87,0		Trúng tuyển
150	CC363	Võ Thanh	Lan	Nữ	17/8/1995	Quản lý nhà nước về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	59,0		Không trúng tuyển
151	CC367	Phạm Thị Thuý	Linh	Nữ	20/9/1994	Quản lý nhà nước về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện tại gia đình và cộng đồng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	36,0		Không trúng tuyển
152	CC368	Mai Ngọc	Linh	Nữ	01/01/2000	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	74,5		Không trúng tuyển
153	CC369	Huỳnh Thị Ngọc	Loan	Nữ	01/02/1988	Theo dõi công tác giảm nghèo bền vững	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	75,0	5,0	Trúng tuyển
154	CC370	Hà Thị Đoàn	Lộc	Nữ	07/3/1993	Quản lý đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	54,0	5,0	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
155	CC373	Trần Vũ Hà	Ly	Nữ	15/5/1994	Quản lý nhà nước về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	11,5		Không trúng tuyển
156	CC374	Nguyễn Thị Hà	My	Nữ	20/7/1996	Quản lý nhà nước về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	42,0		Không trúng tuyển
157	CC376	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	12/4/1998	Quản lý nhà nước về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	32,0		Không trúng tuyển
158	CC381	Đỗ Minh	Phương	Nam	06/8/1991	Thực hiện chính sách Bảo trợ xã hội	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	66,5	5,0	Không trúng tuyển
159	CC382	Thân Thị Trúc	Phương	Nữ	30/3/1997	Thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	57,0		Không trúng tuyển
160	CC383	Nguyễn Thị	Quý	Nữ	21/5/1993	Thực hiện chính sách Bảo trợ xã hội	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	40,5	5,0	Không trúng tuyển
161	CC386	Nguyễn Hoài	Sinh	Nam	30/01/1978	Thực hiện chính sách Bảo trợ xã hội	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	57,5	2,5	Không trúng tuyển
162	CC389	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	30/12/2000	Thực hiện chính sách Bảo trợ xã hội	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	80,0		Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
163	CC391	A Vô Thị	Thông	Nữ	23/3/1995	Quản lý nhà nước về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	55,5	5,0	Không trúng tuyển
164	CC392	Nguyễn Thị Thanh	Thương	Nữ	01/10/1998	Theo dõi công tác giảm nghèo bền vững	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	54,5		Trúng tuyển
165	CC395	Lê Thị Thanh	Tiền	Nữ	22/3/1998	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	72,5		Không trúng tuyển
166	CC396	Huỳnh Thị	Trâm	Nữ	27/01/1999	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	53,5		Không trúng tuyển
167	CC397	Hồ Thị Ngọc	Trân	Nữ	05/5/2000	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	81,5		Trúng tuyển
168	CC400	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	16/4/2000	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	56,5		Không trúng tuyển
169	CC402	Nguyễn Thị Bảo	Vân	Nữ	20/9/1994	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	32,5		Không trúng tuyển
170	CC405	Nguyễn Văn	Xuân	Nam	08/10/1988	Quản lý nhà nước về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	73,0		Trúng tuyển
171	CC406	Trần Thị Duyên	Xuân	Nữ	13/10/1997	Quản lý nhà nước về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng	Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội	68,0		Không trúng tuyển
172	CC407	Lê Ngọc	An	Nam	01/01/1995	Quản trị Công nghệ thông tin	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	14,5		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
173	CC411	Nguyễn Ngọc	Cường	Nam	28/02/1994	Quản lý công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	54,5		Trúng tuyển
174	CC413	Đặng Thị	Diệu	Nữ	04/02/1993	Quản lý công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	14,5		Không trúng tuyển
175	CC414	Huỳnh Công	Hữu	Nam	09/7/1993	Quản lý công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	8,0		Không trúng tuyển
176	CC418	Nguyễn Duy	Quốc	Nam	18/8/1990	Quản trị công nghệ thông tin	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	36,5		Không trúng tuyển
177	CC419	Nguyễn Thị	Sương	Nữ	28/12/1987	Quản lý Công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	51,5		Trúng tuyển
178	CC422	Lê Văn	Thiệu	Nam	09/01/1990	Quản lý công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	18,5		Không trúng tuyển
179	CC423	Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	05/4/1999	Quản lý công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	5,0		Không trúng tuyển
180	CC425	Lê Nguyễn Tường	Vy	Nữ	04/12/2000	Quản lý công nghệ thông tin	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	7,0		Không trúng tuyển
181	CC430	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	Nữ	06/10/1992	Quản lý thông tin - truyền thông	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước	33,5		Không trúng tuyển
182	CC432	Đặng Bảo	Linh	Nữ	23/6/1998	Theo dõi, quản lý thông tin và truyền thông	Ủy ban nhân dân huyện Phước Sơn	34,5	5,0	Không trúng tuyển
183	CC434	Nguyễn Thị Hoàng	Thảo	Nữ	25/5/1996	Quản lý thông tin - truyền thông	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	25,0		Không trúng tuyển
184	CC435	Trương Thị Hoài	Thương	Nữ	13/9/1996	Quản lý báo chí	Sở Thông tin và Truyền thông	36,0	2,5	Không trúng tuyển
185	CC436	Lê Anh	Toàn	Nam	10/10/1993	Quản lý thông tin - truyền thông	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	57,3		Trúng tuyển
186	CC438	A Lăng Thị	Trang	Nữ	19/9/1996	Quản lý báo chí	Sở Thông tin và Truyền thông	22,0	5,0	Không trúng tuyển
187	CC442	Zơ Râm Thị Bé	Bi	Nữ	06/11/2000	Quản lý du lịch, di sản, di tích	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	70,0	5,0	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
188	CC444	Nguyễn Thị Trang	Đài	Nữ	01/4/1994	Quản lý về du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	25,0		Không trúng tuyển
189	CC446	Lê Thị	Giang	Nữ	22/9/1997	Quản lý về du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	35,5		Không trúng tuyển
190	CC447	Nguyễn Thị Vi	Hạ	Nữ	11/6/1992	Quản lý về du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	10,5		Không trúng tuyển
191	CC452	Zơ Râm	Hùm	Nam	07/12/1991	Quản lý du lịch, di sản, di tích	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	10,0	5,0	Không trúng tuyển
192	CC453	Huỳnh Ngọc	Khải	Nam	02/01/2000	Quản lý Du lịch	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	51,0		Không trúng tuyển
193	CC455	Phan Thị Trúc	Linh	Nữ	03/3/1998	Quản lý du lịch, di sản, di tích	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	31,5		Không trúng tuyển
194	CC457	Bơ Nướch Hà Thái	Nghĩa	Nam	02/12/1997	Quản lý du lịch, di sản, di tích	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	74,0	5,0	Trúng tuyển
195	CC461	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	31/10/2000	Quản lý về du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7,5		Không trúng tuyển
196	CC462	Nguyễn Thị Hồng	Sơn	Nữ	20/4/1995	Quản lý về du lịch	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	23,5		Không trúng tuyển
197	CC463	Huỳnh Thị Thu	Sương	Nữ	27/6/2000	Quản lý du lịch	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	13,0		Không trúng tuyển
198	CC464	Trương Thị Minh	Tâm	Nữ	07/12/1985	Quản lý Du lịch	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	69,0		Không trúng tuyển
199	CC465	Trương Thị	Thùy	Nữ	27/01/1994	Quản lý về du lịch	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	10,0		Không trúng tuyển
200	CC466	Arâl	Tim	Nam	23/9/1999	Quản lý du lịch, di sản, di tích	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	17,0	5,0	Không trúng tuyển
201	CC467	Trần Đình Uyên	Trang	Nữ	04/6/1991	Quản lý Du lịch	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	77,0		Trúng tuyển
202	CC470	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	09/11/1988	Quản lý về du lịch	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	26,5		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
203	CC471	Đinh Thị Bích	Vân	Nữ	08/7/1983	Quản lý về du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51,0		Trúng tuyển
204	CC472	Nguyễn Lê Vy	Yến	Nữ	02/01/2000	Quản lý về du lịch	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	11,5		Không trúng tuyển
205	CC474	Dương Thị Mỹ	Dung	Nữ	24/9/1990	Phòng, chống tham nhũng	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước	51,0		Không trúng tuyển
206	CC475	Nguyễn Thanh	Hiền	Nữ	29/5/1995	Phòng, chống tham nhũng	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước	5,5		Không trúng tuyển
207	CC483	Võ Thị Cẩm	Nhung	Nữ	20/3/1990	Phòng, chống tham nhũng	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước	54,5		Trúng tuyển
208	CC484	Trần Bảo	Quốc	Nam	22/7/1982	Công tác thanh tra	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	25,0		Không trúng tuyển
209	CC489	Phan Thị Anh	Thư	Nữ	02/11/2000	Thanh tra	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	75,0		Trúng tuyển
210	CC492	Lê	Tĩnh	Nam	11/5/1997	Thanh tra	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17,0		Không trúng tuyển
211	CC493	Nguyễn Công	Tường	Nam	01/8/1991	Thanh tra	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	13,5		Không trúng tuyển
212	CC495	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	14/9/1988	Xây dựng, kiểm tra, kiểm soát văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	11,0		Không trúng tuyển
213	CC502	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	05/7/1996	Hành chính tư pháp	Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn	54,5		Không trúng tuyển
214	CC504	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	21/7/1999	Hành chính tư pháp	Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn	64,0		Không trúng tuyển
215	CC509	Lê Thị	Liễu	Nữ	26/4/1990	Quản lý hành chính tư pháp; Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	81,5	2,5	Không trúng tuyển
216	CC511	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	07/4/2000	Hành chính tư pháp	Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn	89,0		Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
217	CC512	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	24/6/2000	Phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	43,0		Không trúng tuyển
218	CC513	Nguyễn Thị Xuân	Mỹ	Nữ	10/6/1996	Theo dõi thi hành pháp luật và công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	36,5		Không trúng tuyển
219	CC514	Arát Xuân	Ngọc	Nam	14/2/2000	Hành chính tư pháp	Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn	33,0	5,0	Không trúng tuyển
220	CC515	Huỳnh Minh	Nhật	Nam	10/6/1997	Hành chính tư pháp	Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn	33,0		Không trúng tuyển
221	CC517	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	28/02/1998	Quản lý hành chính tư pháp; Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	93,0		Trúng tuyển
222	CC518	Trương Thị Anh	Phương	Nữ	12/9/1999	Quản lý hành chính tư pháp; Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	24,5		Không trúng tuyển
223	CC519	Huỳnh Thị	Phượng	Nữ	10/3/1996	Quản lý hành chính tư pháp; Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	60,5		Không trúng tuyển
224	CC520	Trần	Quang	Nam	17/9/1999	Theo dõi thi hành pháp luật và công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	27,5		Không trúng tuyển
225	CC522	Nguyễn Văn	Tài	Nam	11/11/1998	Phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	54,5		Trúng tuyển
226	CC527	Nguyễn Thị Lan	Thi	Nữ	20/3/1994	Xây dựng, kiểm tra, kiểm soát văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	87,0		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
227	CC530	Văn Phú	Toàn	Nam	21/02/1998	Theo dõi thi hành pháp luật và công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	Vắng thi		Không trúng tuyển
228	CC532	Bùi Nguyễn Hiền	Vi	Nữ	14/3/2000	Xây dựng, kiểm tra, kiểm soát văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	91,0		Trúng tuyển
229	CC537	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	20/10/2000	Hành chính tư pháp	Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn	29,5		Không trúng tuyển
230	CC538	Đặng Thảo	Vy	Nữ	11/5/1998	Quản lý hành chính tư pháp; Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên	69,5		Không trúng tuyển
231	CC539	Trần Thị Tường	Vy	Nữ	22/6/1999	Xây dựng, kiểm tra, kiểm soát văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật	Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình	51,5		Không trúng tuyển
232	CC540	Trần Hoàng	Dương	Nam	27/9/1999	Quản lý đội ngũ cán bộ công chức, viên chức	Ủy ban nhân dân huyện Phú Ninh	16,0		Không trúng tuyển
233	CC542	Nguyễn Thị Hoa	Đào	Nữ	18/5/1999	Quản lý đội ngũ cán bộ công chức, viên chức	Ủy ban nhân dân huyện Phú Ninh	67,0		Không trúng tuyển
234	CC544	Võ Thế	Huân	Nam	04/4/1996	Quản lý đội ngũ cán bộ công chức, viên chức	Ủy ban nhân dân huyện Phú Ninh	81,5		Trúng tuyển
235	CC546	Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	25/10/1988	Quản lý đội ngũ cán bộ công chức, viên chức	Ủy ban nhân dân huyện Phú Ninh	61,5		Không trúng tuyển
236	CC547	Hồ Thị	My	Nữ	08/10/1999	Văn thư lưu trữ	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	13,0		Không trúng tuyển
237	CC551	Hồ Thị	Phụng	Nữ	02/3/1998	Văn thư lưu trữ	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	26,0	5,0	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
238	CC552	Nguyễn Thị Bích	Sen	Nữ	01/4/1997	Quản lý đội ngũ cán bộ công chức, viên chức	Ủy ban nhân dân huyện Phú Ninh	33,5		Không trúng tuyển
239	CC554	Nguyễn Thị Nhật	Vy	Nữ	10/4/2000	Quản lý đội ngũ cán bộ công chức, viên chức	Ủy ban nhân dân huyện Phú Ninh	62,5		Không trúng tuyển
240	CC557	Huỳnh Phú	Duy	Nam	31/3/1987	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	10,0		Không trúng tuyển
241	CC558	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	01/10/1997	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	5,0		Không trúng tuyển
242	CC562	Nguyễn Hữu	Hội	Nam	18/7/1987	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	16,0		Không trúng tuyển
243	CC564	Đoàn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	24/7/1996	Hành chính tổng hợp - Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51,0		Không trúng tuyển
244	CC566	Tangôn	Lâm	Nam	06/9/1991	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	14,0	5,0	Không trúng tuyển
245	CC571	Trà Thị Thanh	Nga	Nữ	25/9/1999	Hành chính một cửa	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước	28,0		Không trúng tuyển
246	CC575	Hồ Thị Huỳnh	Như	Nữ	29/10/1996	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	7,0		Không trúng tuyển
247	CC576	Pơ Loong	Ní	Nam	16/7/1996	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	8,0	5,0	Không trúng tuyển
248	CC577	Đặng Thị Phương	Oanh	Nữ	01/4/1994	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	52,5		Trúng tuyển
249	CC579	Nguyễn Thị Kim	Phương	Nữ	20/02/1992	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	4,5	5,0	Không trúng tuyển
250	CC580	Trương Thị Như	Phương	Nữ	14/11/2000	Hành chính tổng hợp - Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50,0	5,0	Không trúng tuyển
251	CC582	Nguyễn Tấn	Sơn	Nam	14/8/1986	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	20,0	5,0	Không trúng tuyển
252	CC585	Nguyễn Văn	Thành	Nam	4/4/1989	Hành Chính Tổng Hợp	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	0,0		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
253	CC586	Nguyễn Vũ Phương	Thảo	Nữ	14/4/1986	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	40,0		Không trúng tuyển
254	CC587	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	22/12/1995	Hành chính tổng hợp - Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	52,0		Không trúng tuyển
255	CC590	Võ Đức	Toàn	Nam	15/02/1994	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	4,0		Không trúng tuyển
256	CC592	Nguyễn Thị Vy	Trâm	Nữ	17/3/1993	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân thành phố Hội An	12,0	5,0	Không trúng tuyển
257	CC594	Bhonoróch Thị	Trâm	Nữ	10/12/1994	Hành chính tổng hợp	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	Vắng thi	5,0	Không trúng tuyển
258	CC595	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	01/12/1999	Hành chính tổng hợp - Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60,0		Trúng tuyển
259	CC598	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	04/9/2000	Hành chính tổng hợp - Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9,5		Không trúng tuyển
260	CC602	Phạm Thị Mỹ	Vy	Nữ	30/10/1999	Hành chính tổng hợp - Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	27,5		Không trúng tuyển
261	CC606	Lê Thanh	Đông	Nam	04/01/1996	Theo dõi, quản lý chuyên môn về giáo dục THCS	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	55,5		Trúng tuyển
262	CC611	Phạm Thị Ngọc	Mai	Nữ	19/6/1995	Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	2,0		Không trúng tuyển
263	CC613	Zơ Râm Thị	Nghim	Nữ	19/8/1999	Theo dõi, quản lý chuyên môn về giáo dục THCS	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	28,0	5,0	Không trúng tuyển
264	CC614	Nguyễn Văn	Nở	Nam	16/01/1993	Theo dõi, quản lý chuyên môn về giáo dục THCS	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	50,0	2,5	Không trúng tuyển
265	CC618	Hồ	Phong	Nam	11/6/1998	Theo dõi, quản lý chuyên môn về giáo dục THCS	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	50,0	5,0	Không trúng tuyển
266	CC622	Trần Đăng	Quang	Nam	20/01/1988	Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành	15,0		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
267	CC626	Ka Phu	Thi	Nữ	07/9/1997	Theo dõi, quản lý chuyên môn về giáo dục THCS	Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My	19,0	5,0	Không trúng tuyển
268	CC636	Trần Thị Lệ	Dương	Nữ	01/10/1986	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ	15,8		Không trúng tuyển
269	CC637	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	19/02/1996	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ	12,0		Không trúng tuyển
270	CC638	Lê Thị Châu	Đoan	Nữ	02/3/1999	Quản lý văn hoá thông tin cơ sở	Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ	31,5		Không trúng tuyển
271	CC641	Phạm Thị	Hiền	Nữ	29/01/1985	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ	40,0		Không trúng tuyển
272	CC648	Đoàn Thị	Phú	Nữ	20/9/1988	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ	64,0		Trúng tuyển
273	CC650	Phan Thị Hoài	Thu	Nữ	05/12/1998	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ	51,0		Không trúng tuyển
274	CC652	Nguyễn Thị	Tùng	Nữ	01/4/1987	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ	33,0		Không trúng tuyển
275	CC654	Trương Thị Y	Vân	Nữ	20/3/1997	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ	58,0		Không trúng tuyển
276	CC655	Nguyễn Hạnh	Vi	Nữ	17/8/1997	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ	34,0		Không trúng tuyển
277	CC660	Nguyễn Thị Hòa	My	Nữ	31/12/1987	Quản lý nhà nước về dân tộc	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước	51,5		Không trúng tuyển
278	CC662	Hồ Thị Ánh	Phượng	Nữ	15/8/1988	Quản lý nhà nước về dân tộc	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước	70,0	5,0	Trúng tuyển
279	CC665	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	01/10/1994	Quản lý nhà nước về dân tộc	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước	51,5		Không trúng tuyển
280	CC672	Nguyễn Thị Ngọc	Phúc	Nữ	05/02/1984	Văn thư	Sở Tài chính	75,0		Trúng tuyển
281	CC673	Huỳnh Thị Minh	Quyên	Nữ	23/8/1985	Văn thư	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	14,0		Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
282	CC674	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	21/10/1983	Văn thư	Văn phòng Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	7,0		Không trúng tuyển
283	CC677	Hồ Văn	Bình	Nam	07/7/1997	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16,0	5,0	Không trúng tuyển
284	CC679	A Lăng	Brooi	Nam	14/5/1994	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5,5	5,0	Không trúng tuyển
285	CC681	Trần Thị Lâm	Chi	Nữ	30/4/1997	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37,0		Không trúng tuyển
286	CC683	Trần Văn	Công	Nam	20/10/1988	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	54,0	5,0	Trúng tuyển
287	CC686	A Rêl	Đề	Nam	02/9/1994	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6,0	5,0	Không trúng tuyển
288	CC688	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	22/2/1988	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	34,0		Không trúng tuyển
289	CC693	Zơ Râm	Hóa	Nam	12/11/1989	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10,5	5,0	Không trúng tuyển
290	CC695	Hồ Văn	Hon	Nam	07/5/1991	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	34,0	5,0	Không trúng tuyển
291	CC696	A Lăng	Húc	Nam	01/01/1994	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	32,0	5,0	Không trúng tuyển
292	CC698	Hồ Văn	Kiểu	Nam	22/4/1993	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	73,0	5,0	Trúng tuyển
293	CC699	A Lăng Đô	La	Nam	02/01/2000	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19,0	5,0	Không trúng tuyển
294	CC702	A Ting	Lập	Nam	24/4/1994	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8,0	5,0	Không trúng tuyển
295	CC705	BRúu	Mái	Nam	19/5/1987	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9,0	5,0	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
296	CC706	Brúu	Mới	Nam	25/02/1993	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17,5	5,0	Không trúng tuyển
297	CC707	A Lăng	Mới	Nam	14/6/1991	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37,0	5,0	Không trúng tuyển
298	CC709	Pơ Loong	Mun	Nam	21/11/1990	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	42,0	5,0	Không trúng tuyển
299	CC710	Pơ Loong	Mút	Nam	24/12/1994	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37,0	5,0	Không trúng tuyển
300	CC712	Trần Trung	Nga	Nam	13/6/1981	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	35,0		Không trúng tuyển
301	CC714	Coor	Nhanh	Nam	11/11/1989	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	39,0	5,0	Không trúng tuyển
302	CC716	ARâl	Nhên	Nam	18/02/1993	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65,5	5,0	Trúng tuyển
303	CC719	Brúu	Nhiú	Nam	03/4/1991	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	38,5	5,0	Không trúng tuyển
304	CC722	Pơ Loong	Niếp	Nam	15/10/1986	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28,0	5,0	Không trúng tuyển
305	CC723	Ria	Ninh	Nam	20/01/1995	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30,0	5,0	Không trúng tuyển
306	CC725	A Râl	Phổ	Nam	10/10/1995	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	39,0	5,0	Không trúng tuyển
307	CC727	Hóih	Pliéc	Nam	20/10/1994	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37,0	5,0	Không trúng tuyển
308	CC729	Hồ Thanh	Quyền	Nam	11/01/1986	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30,0	5,0	Không trúng tuyển
309	CC730	Pơ Loong	Ron	Nam	01/02/1990	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25,5	5,0	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
310	CC731	A Rất	Rung	Nam	03/02/1990	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16,5	5,0	Không trúng tuyển
311	CC732	Coor Thị	Sen	Nữ	20/12/1999	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19,0	5,0	Không trúng tuyển
312	CC733	ALăng	Sơn	Nam	01/12/1997	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	32,5	5,0	Không trúng tuyển
313	CC734	Bríu	Sứ	Nam	25/6/1990	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40,0	5,0	Không trúng tuyển
314	CC737	A Lăng	Thâm	Nam	28/10/1996	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	34,5	5,0	Không trúng tuyển
315	CC740	Ka Thanh	Thịnh	Nam	14/11/1984	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5,5	5,0	Không trúng tuyển
316	CC741	A	Thông	Nam	15/3/1996	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	32,5	5,0	Không trúng tuyển
317	CC743	Nguyễn Xuân	Thông	Nam	26/7/1988	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8,0		Không trúng tuyển
318	CC744	Đoàn Thị	Thủy	Nữ	01/01/1990	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51,5		Trúng tuyển
319	CC746	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	23/9/1982	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30,0	2,5	Không trúng tuyển
320	CC749	A Hó	Trung	Nam	30/01/1996	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	14,5	5,0	Không trúng tuyển
321	CC751	A Viết	Tương	Nam	17/10/1988	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16,5	5,0	Không trúng tuyển
322	CC752	A Lăng	Văn	Nam	05/6/1987	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	24,0	5,0	Không trúng tuyển
323	CC757	Cơ Lâu	Vonh	Nam	02/8/1991	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	53,5	5,0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Vị trí việc làm và đơn vị dự tuyển		Điểm thi chính thức vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết quả
		Họ và tên đệm	Tên			Tên vị trí việc làm	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương dự tuyển			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
324	CC758	BLing	Xanh	Nam	01/5/1995	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7,0	5,0	Không trúng tuyển

Danh sách này có 324 thí sinh./.